

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2023
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Diệu

Bà Nguyễn Thị Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước và điểm cầu thành phần là trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm trực tuyến, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1987. Có mặt

Nơi cư trú: Ấp 6A, xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1983; Quốc tịch: Việt Nam.

HKTT: Ấp 6A, xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Hiện đang cư trú tại: Perissa Road LLuka WA 60xx, Australia.

Có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T (uỷ quyền nhận các văn bản tố tụng): Ông Trần Văn T1, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ 1, ấp 6A, xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước (Văn bản uỷ quyền ngày 16/02/2023).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Trần Văn T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 06/6/2011 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2011, quyền số 01/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, cùng nhau chăm

lo kinh tế gia đình. Tuy nhiên, đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã, tình cảm rạn nứt nên bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay nhận thấy không còn tình cảm với ông T, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 người con chung là cháu Trần Anh K, sinh ngày 19/02/2013, hiện nay cháu K đang sinh sống cùng bà T. Khi ly hôn, bà T có nguyện vọng được nuôi cháu K, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T thống nhất với bà T về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn. Ông và bà T đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng với bà T đã rạn nứt, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Ông và bà T có 01 người con chung là cháu Trần Anh K, sinh ngày 19/02/2013, hiện nay cháu K đang sinh sống cùng bà T. Do hiện nay ông không ở Việt Nam nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đều do bà T lo liệu, vì vậy ông đồng ý để bà T được nuôi con chung đến khi trưởng thành; đối với ý kiến của bà T không yêu cầu ông phải cấp dưỡng nuôi con thì ông cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện ở xa nên ông T xin được vắng mặt trong tất cả buổi làm việc và các phiên tòa xét xử vụ án. Ông T uỷ quyền cho ông Trần Văn T1 nhận các văn bản tố tụng của Tòa án có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

- Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã được thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T, xử cho bà Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với ông Trần Văn T. Về con chung: giao con chung là cháu Trần Anh K, sinh ngày 19/02/2013 cho bà Nguyễn Thị Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T có hộ khẩu thường trú tại ấp 6A, xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T, quốc tịch Việt Nam, hiện đang cư trú tại Perissa Road LLuka WA 60xx, Australia nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước được quy định tại khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Trần Văn T có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và các phiên tòa xét xử vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn T theo quy định tại các điều 227, 228 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T và bị đơn ông Trần Văn T đều thừa nhận ông, bà tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 06/6/2011 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2011, quyển số 01/2011 nên đây là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu sau kết hôn, vợ chồng bà T, ông T chung sống hạnh phúc, cùng nhau chăm lo kinh tế gia đình nhưng đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã, tình cảm rạn nứt, bà T và ông T đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không ai còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, bà T và ông T đều đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là vợ chồng yêu thương, quý trọng lẫn nhau, cùng nhau chung sống, xây dựng gia đình, chung sống bình đẳng, hạnh phúc, tuy nhiên, từ trình bày của các đương sự thấy được hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hai bên đã không sống chung với nhau từ năm 2014 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xử cho bà Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với ông Trần Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà T và ông T có 01 con chung là cháu Trần Anh K, sinh ngày 19/02/2013, hiện nay cháu K đang sinh sống cùng bà T. Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi trưởng thành, ông T cũng đồng ý với yêu cầu của bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao con chung cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 39, Điều 238, khoản 4 Điều 147, các điều 227, 228, 271, 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127, các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T.

Xử cho bà Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Anh K, sinh ngày 19/02/2013 cho bà Nguyễn Thị Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Xuân T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019888 ngày 03/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Đương sự; Người đại diện hợp pháp của đương sự;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh